

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 25-02-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Hương;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Đức L, sinh ngày 22 tháng 4 năm 1986 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân V, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; bị cáo có 02 em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 20/11/2024 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Võ Minh C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Bùi Quang C1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 03/10/2024, ông Võ Minh C điều khiển xe mô tô biển số 61F1 – 277.11 chở theo vợ là bà Ngô Thị T1 đến chợ A thuộc ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương để mua đồ ăn. Khi đến nơi, ông C dựng xe mô tô trên lề đường và cùng vợ đi vào chợ, trên xe có để một máy cưa màu cam, đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM. Lúc này, Bùi Đức L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 61F1 – 049.67 đi ngang qua, thấy máy cưa trên xe mô tô của ông C không có ai trông coi nên L nảy sinh ý định trộm máy cưa đem về sử dụng cá nhân. L dừng xe mô tô lại, đi bộ lại gần nơi để máy cưa, lấy trộm máy cưa của anh C bỏ lên xe mô tô biển số 61F1 – 049.67 rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường. Khoảng 10 phút sau, ông C quay ra xe thì phát hiện máy cưa để trên xe đã bị mất trộm nhưng không trình báo Công an. Đến ngày 21/10/2024, ông C đang nhậu tại nhà ông Nguyễn Văn B thuộc ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương thì phát hiện máy cưa bị mất trộm đang để trên xe mô tô của L đang ngồi nhậu chung tại đây. Ông C đã trình báo Công an xã A vụ việc trên. Qua làm việc, Bùi Đức L đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định giá trị tài sản thiệt hại 01 (Một) máy cưa màu cam đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM là 5.250.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ; Xử lý vật chứng: 01 (Một) xe mô tô biển số 61F1 – 049.67, do ông Bùi Quang C1, sinh năm 1990 đứng tên chủ sở hữu (Là em ruột của bị can L). Xét thấy, ông C1 cho L mượn xe đi làm thuê, không biết L lấy xe thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho ông C1 xe mô tô biển số 61F1 – 049.67. 01 (Một) máy cưa màu cam đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM. Đây là tài sản của bị hại ông Võ Minh C. Ngày 20/11/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện P đã trả lại cho ông C 01 (Một) máy cưa màu cam đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSPG ngày 26/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo Bùi Đức L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Bùi Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức L mức hình phạt tù từ 08 (tám) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại tài sản cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bên không có ý kiến gì nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đức L thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 máy cưa màu cam đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM với trị giá là 5.250.000 đồng của ông Võ Minh C. Bị cáo thống nhất với kết luận định giá, tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị và không có ý kiến khác.

Bị hại ông Võ Minh C đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, tuy nhiên căn cứ lời khai trong quá trình tố tụng khai nhận chính bị cáo Bùi Đức L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Võ Minh C, đã nhận lại tài sản và ngoài ra không có yêu cầu khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bùi Đức L: Bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt để bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đức L khai nhận: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 03/10/2024 tại ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, bị cáo Bùi Đức L đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản một máy cưa màu cam đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM của ông Võ Minh C trị giá là 5.250.000 đồng.

[3] Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTS ngày 06/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P xác định giá

trị tài sản thiệt hại 01 (một) máy cưa màu cam đen, nhãn hiệu STIHL MS660 MAGNUM là 5.250.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo lợi dụng sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu đã chiếm đoạt tài sản của bị hại với giá trị tài sản là 5.250.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo Bùi Đức L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[7] Xét hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng do bản tính lười lao động, ham muốn có tài sản một cách nhanh chóng mà không phải lao động tạo ra nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[8] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[11] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo Bùi Đức L bồi thường do tài sản đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp nên ghi nhận.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Đức L 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Đức L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;01
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;01
- VKSND tỉnh Bình Dương;01
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;01
- VKSND H. Phú Giáo;01
- CQ CSĐT Công an H. Phú Giáo;01
- Đội CSTHAHS và HTTP;01
- Chi cục THADS H. Phú Giáo;01
- UBND xã An Thái, huyện Phú 01
Giáo, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;05
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.02

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Duyên